

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2025
V/v “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Dũ.
- Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thông Thị T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

(Hiện anh P đang chấp hành án tại Trại giam P1 – Cục C – Bộ C1, đóng trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang)

(Chị T và anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thông Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thông Thị T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2014. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận ngày 23/10/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68.

Quá trình sống chung, vợ chồng bất hòa, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Chị T và anh P đã ly thân hơn 08 năm nay. Nhận thấy đời sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Quá trình sống chung, có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 10/4/2014, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/02/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh P đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung như đơn khởi kiện của chị T trình bày. Anh P đồng ý với ý kiến của chị T, giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 10/4/2014 cho chị T1 dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, không ý kiến, kiến nghị bổ sung gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung giữa chị T và anh P là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 10/4/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

Ngoài ra, đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 . *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với anh P; anh P có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện nay anh P đang chấp hành án tại Trại giam P1 đóng trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2 . *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Cả chị T và anh P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

3 . *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh P tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận ngày 23/10/20104 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, Chị T yêu cầu ly hôn với anh P và được anh P thừa nhận, đồng ý ly hôn. Thời gian anh chị sống ly thân cũng đã lâu. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn P của chị Thông Thị T.

[4]. *Về con chung:* Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 10/4/2014, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu Bảo N đang chung sống ổn định cùng chị T, anh P cũng có ý kiến đồng ý giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung

nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh P xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Chị T và anh P có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thông Thị T. Cho ly hôn giữa chị Thông Thị T và anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung giữa chị T và anh P là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 10/4/2014 cho chị Thông Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.1. Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Chị Thông Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn P chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Thông Thị T không có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Thông Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 0003800 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Thông Thị T và anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã Hàm Phú, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thạch Hải Âu